

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU
DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ ngày 31 tháng 3 năm 2012	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	15 - 45
8. Phụ lục	46 - 48

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 đã soát xét bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005032 ngày 18 tháng 7 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước (Công ty xuất nhập khẩu và đầu tư Chợ Lớn)	46.220.020.000	19,26
Các cổ đông khác	193.779.980.000	80,74
Cộng	240.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-8)38.641.885

Fax : (84-8)38.642.060

Website : www.tanimex.com.vn

Mã số thuế : 0301464904

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	108 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Vũng Tàu	64 – 66 Trần Phú, phường 5, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Chi nhánh Long An	Ấp Lộc An, xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu; dịch vụ nhà hàng, khách sạn, kiều hối; kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế; Đầu tư và hợp tác sản xuất hàng xuất khẩu; Đầu tư và hợp tác đầu tư xây dựng: nhà, xưởng sản xuất các mặt hàng để xuất khẩu; Thi công xây dựng: các công trình dân dụng và công nghiệp, các công trình giao thông, cấp thoát nước và cây xanh (gồm mới và duy tu), các công trình thủy lợi, hệ thống chiếu sáng; kinh doanh kho hàng, xưởng sản xuất và giao nhận hàng; Dịch vụ: thể dục, thể thao (sân tennis, hồ bơi và các loại hình thể dục, thể thao giải trí khác); Sản xuất, gia công khung kèo thép, các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất, xây dựng và tiêu dùng; Lắp dựng khung kèo thép; San lấp mặt bằng; Vận chuyển hàng hóa, đại lý vận tải; Mua bán vật tư phục vụ nuôi trồng thủy sản; kinh doanh công viên cây xanh (trồng cây, chăm sóc cây xanh); Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp; Duy tu nạo vét cống rãnh; Sản xuất và mua bán nước tinh khiết; Sản xuất suất ăn công nghiệp;

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Dịch vụ rửa xe; Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng; Sản xuất, chế biến và mua bán các loại thực phẩm, thức ăn gia súc, thủy hải sản; Đào tạo dạy nghề; Sửa chữa, bảo trì ô tô và xe cơ giới các loại; Tư vấn cung cấp giải pháp công nghệ và thi công các hệ thống xử lý nước thải, nước tinh khiết, khí thải và các tác nhân gây ô nhiễm môi trường; Trồng rừng; Khai thác cát đen; Khai thác đất sét; Sản xuất gạch ngói và nguyên vật liệu xây dựng; Lập tổng dự toán và dự toán công trình; Tư vấn đầu thầu; Lập dự án đầu tư; Thẩm tra thiết kế và dự toán; Khai thác và xử lý nước ngầm; Đầu tư xây dựng và cho thuê văn phòng; Dịch vụ quảng cáo thương mại; Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và khai thuế hải quan; Đầu tư xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại; Kinh doanh khai thác và quản lý chợ; Cho thuê cao ốc văn phòng; Dịch vụ môi giới, quản lý, định giá, đấu giá, sàn giao dịch bất động sản; Quảng cáo; Kinh doanh bất động sản; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH một thành viên sản xuất dịch vụ Tân Bình (Taniservice)	Lô IV-18 Khu Công nghiệp Tân Bình, đường Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000192 ngày 11 tháng 9 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh	100%
Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima)	Số 405 Ấp Lộc Bình, xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100776581 ngày 28 tháng 3 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An	100%
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ thể thao và quảng cáo Tân Bình (Tanisa)	Lô IV Đường số 1 – Khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310352650 ngày 14 tháng 10 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh	100%
Công ty cổ phần đầu tư du lịch Tân Thắng	93/13 Nguyễn Hội, phường Phú Tài, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3400910908 ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận	80%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Doanh thu và lợi nhuận trong kỳ phát sinh tăng chủ yếu từ việc Công ty mẹ bán tòa nhà Tanioffice Tây Thạnh.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 48).

Trong kỳ, Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình đã phân phối lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011 theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 01/BBĐHĐCĐ-2012 ngày 07 tháng 01 năm 2012 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2011 ngày 09 tháng 01 năm 2012 như sau:

- Chia cổ tức (35% trên vốn điều lệ) (*)	42.000.000.000 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển	19.824.881.383 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	4.956.220.346 VND
- Trích quỹ khen thưởng	5.608.200.891 VND
- Trích quỹ phúc lợi	6.938.708.484 VND
- Trích thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát	900.000.000 VND

(*) Trong đó cổ tức đã ứng được ghi nhận vào Báo cáo tài chính năm trước là 17.818.954.500 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Tâm	Chủ tịch	09 tháng 01 năm 2010	-
Ông Lê Trọng Lập	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Ông Trần Quang Trường	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Bà Trần Thị Lan	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Ông Võ Chí Thanh	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Thanh Phương	Trưởng ban	09 tháng 01 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Minh Anh	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Thu Giang	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Tâm	Tổng Giám đốc	Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm	-
Ông Nguyễn Văn Ngoãn	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2011	-
Ông Lê Trọng Lập	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2011	-
Ông Trần Quang Trường	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2011	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Minh Tâm
Chủ tịch

Ngày 22 tháng 5 năm 2012

Số: 0558/2012/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH
XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU
DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con (danh sách các công ty con trình bày ở thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày ngày 30 tháng 9 năm 2012, được lập ngày 14 tháng 5 năm 2012, từ trang 08 đến 48 trang kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của các công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong quá trình thực hiện công tác soát xét chúng tôi nhận thấy có vấn đề sau:

Tại Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình thuộc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (Công ty mẹ) phát sinh doanh thu chủ yếu từ 3 hoạt động: cho thuê đất tại Khu công nghiệp, bán nền đất và bán chung cư. Từ năm 1998 đã bắt đầu phát sinh việc thu tiền thuê đất trong Khu công nghiệp trong khi chi phí về xây dựng cơ sở hạ tầng để phục vụ cho hoạt động chưa phát sinh đầy đủ và tại thời điểm đó lại phát sinh các chi phí đền bù để di dời các hộ dân. Do vậy từ năm 2003 trở về trước Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình đã áp dụng phương pháp ghi nhận doanh thu một lần theo phương pháp “chuyển giao lô đất”: doanh thu được ghi nhận khi đất được chuyển giao cho bên đi thuê trên thực địa và thanh toán tiền một lần và giá vốn tại thời điểm đó là các chi phí liên quan đến việc đền bù giải tỏa các hộ dân. Từ năm 2003 trở đi, sau khi đã tập hợp các chi phí liên quan đến hoạt động thuê đất và chi phí liên quan đến hoạt động bán nền và bán căn hộ chung cư thì hàng năm Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình ghi nhận doanh thu, giá vốn theo kế hoạch và từng bước điều chỉnh tỷ lệ lãi gộp của dự án theo số liệu ước tính. Theo giải thích của Công ty, sở dĩ có tình trạng trên là do từ năm 2003 trở về trước các Chuẩn mực kế toán chưa được ban hành đầy đủ và cũng chưa có các hướng dẫn cụ thể liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và chi phí cho hoạt động này. Việc ghi nhận doanh thu và chi phí như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước chấp nhận.

Theo chúng tôi việc ghi nhận doanh thu và chi phí cho các hoạt động cho thuê đất tại khu công nghiệp, bán nền đất và bán căn hộ chung cư như trên là chưa phù hợp với hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”. Theo đó, doanh thu cho thuê đất được ghi nhận theo số tiền thuê hàng năm, doanh thu bán nền đất và bán căn hộ chung cư được ghi nhận khi đã bàn giao nền và căn hộ. Giá vốn là các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tạo ra doanh thu và được ghi nhận phù hợp với doanh thu.

Do việc ghi nhận doanh thu và chi phí của Công ty mẹ đã phát sinh từ nhiều năm về trước và khối lượng hợp đồng đã ký kết rất lớn và phức tạp nên chúng tôi không thể định lượng được ảnh hưởng của việc chưa tuân thủ hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 14 nêu trên đến các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Phùng Thị Quang Thái – Phó Tổng Giám Đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0094/KTV

A handwritten signature in blue ink, likely belonging to Lê Thị Thu Nga.

Lê Thị Thu Nga - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1182/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 05 năm 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ
TÂN BÌNH**

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		627.232.015.677	535.453.424.868
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	262.506.189.882	227.092.982.144
1. Tiền	111		28.157.793.458	25.369.968.259
2. Các khoản tương đương tiền	112		234.348.396.424	201.723.013.885
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	10.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.561.479.809	101.292.086.989
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	50.172.096.581	62.764.955.492
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	7.101.535.922	31.047.863.639
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	7.695.424.657	8.021.790.209
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(407.577.351)	(542.522.351)
IV. Hàng tồn kho	140		278.395.186.539	203.981.316.429
1. Hàng tồn kho	141	V.6	278.395.186.539	203.981.316.429
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.769.159.447	3.087.039.306
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	3.259.719.293	763.032.743
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		448.369.086	392.366.500
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		10.534.920	98.672.476
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	8.050.536.148	1.832.967.587

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		420.364.721.710	531.136.362.615
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.647.557.613	14.575.648.768
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.9	13.398.107.744	16.844.996.899
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		500.000.000	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(2.250.550.131)	(2.269.348.131)
II. Tài sản cố định	220		217.781.408.558	248.990.066.710
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	71.527.470.824	75.024.213.674
<i>Nguyên giá</i>	222		230.403.248.043	236.556.591.741
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(158.875.777.219)	(161.532.378.067)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	114.011.542.121	103.519.758.388
<i>Nguyên giá</i>	228		361.318.963.623	338.304.583.044
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(247.307.421.502)	(234.784.824.656)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	32.242.395.613	70.446.094.648
III. Bất động sản đầu tư	240	V.13	118.927.858.992	183.426.668.709
<i>Nguyên giá</i>	241		187.434.211.337	246.443.185.753
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(68.506.352.345)	(63.016.517.044)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		52.161.678.501	65.924.161.378
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	34.865.087.433	41.925.345.395
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	20.858.725.000	29.759.539.294
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(3.562.133.932)	(5.760.723.311)
V. Tài sản dài hạn khác	260		19.846.218.046	18.219.817.050
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	12.674.439.526	11.369.936.246
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		142.520.976	142.520.976
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	7.029.257.544	6.707.359.828
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.047.596.737.387	1.066.589.787.483

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		533.478.561.585	561.528.823.397
I. Nợ ngắn hạn	310		121.610.588.755	158.666.467.182
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	48.219.209.165	92.099.317.215
2. Phải trả người bán	312	V.20	23.283.253.570	18.618.992.464
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	1.137.175.395	4.355.020.524
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	5.739.569.979	3.527.769.208
5. Phải trả người lao động	315		5.959.581.896	11.001.564.622
6. Chi phí phải trả	316	V.23	20.891.532.157	20.501.421.741
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	5.373.988.740	4.868.331.938
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	11.006.277.853	3.694.049.470
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		411.867.972.830	402.862.356.215
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	93.855.986
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.26	60.363.583.732	85.031.597.605
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	88.231.175.295	100.844.371.801
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.043.053.707	1.136.163.157
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.28	262.230.160.096	215.756.367.666
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		514.118.175.802	505.060.964.086
I. Vốn chủ sở hữu	410		514.118.175.802	505.060.964.086
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.29	240.000.000.000	240.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.29	90.352.860.000	90.352.860.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.29	(12.901.547.446)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.29	85.580.872.761	65.755.991.378
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.29	17.384.889.304	12.428.668.958
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.29	93.701.101.183	96.523.443.750
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.047.596.737.387	1.066.589.787.483

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		233.800,44	117.422,08
Euro (EUR)		17.844,00	17.844,00
Yên Nhật (¥)		1.299.311,00	59.874,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2012

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	493.908.577.351	621.138.988.352
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	177.733.941	533.354
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	493.730.843.410	621.138.454.998
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	356.867.337.290	452.593.425.335
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		136.863.506.120	168.545.029.663
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	26.895.411.256	14.646.640.784
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	19.486.179.106	24.618.496.456
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.217.181.319	13.206.650.750
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	44.067.815.569	31.131.425.621
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	17.626.677.635	19.247.216.448
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		82.578.245.066	108.194.531.922
11. Thu nhập khác	31		854.184.203	2.372.071.426
12. Chi phí khác	32		241.961.074	1.608.854.799
13. Lợi nhuận khác	40		612.223.129	763.216.627
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(1.646.329.374)	(3.849.293.504)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		81.544.138.821	105.108.455.045
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		21.892.740.645	26.624.497.476
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>59.651.398.176</u>	<u>78.483.957.569</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		59.651.398.176	78.483.957.569
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>2.519</u>	<u>6.540</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2012

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ
TÂN BÌNH**

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		581.205.449.826	532.363.749.419
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(268.136.875.967)	(172.241.309.447)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(32.994.022.576)	(37.067.271.287)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(13.125.411.023)	(12.951.455.473)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(20.822.132.488)	(13.784.045.359)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		530.725.695.306	598.312.253.262
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(568.702.023.757)	(717.129.409.532)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		208.150.679.321	177.502.511.583
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.13; V.14 V.15; V.16	- (12.517.470.807)	- (88.444.567.403)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		454.645.628	945.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(59.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		48.400.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.300.000.000)	(750.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		7.301.084.606	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22.405.510.809	8.028.872.668
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.743.770.236	(80.220.149.280)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.29	(12.901.547.446)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19; V.27	31.547.596.946	189.379.909.435
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19; V.27	(173.086.906.068)	(162.910.016.811)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.29	(24.064.064.800)	(23.805.747.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(178.504.921.368)	2.664.145.124
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		35.389.528.189	99.946.507.427
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	227.092.982.144	131.503.628.217
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		23.679.549	23.066.681
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	262.506.189.882	231.473.202.325

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2012

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- 1. Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh bất động sản, khai thác, dịch vụ, thương mại, khách sạn.
- 3. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:** Dịch vụ đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp; Đại lý bán lẻ xăng dầu, gas, nhớt và dầu mỡ; Sản xuất, mua bán nước uống tinh khiết; Gia công hàng may mặc; Khai thác và kinh doanh nước ngầm, nước sạch; Sản xuất suất ăn công nghiệp; Kinh doanh khách sạn; Kinh doanh nhà hàng ăn uống; Kinh doanh công viên cây xanh (trồng cây và chăm sóc cây xanh); Hoạt động các câu lạc bộ: hồ bơi, tennis; Dịch vụ thu gom và vận chuyển rác; Dịch vụ rửa xe; Cho thuê kho hàng, xưởng sản xuất; Bán hàng nhập khẩu, cho thuê mặt bằng kho; Bán buôn thực phẩm hàng tiêu dùng; Kinh doanh khách sạn (đạt tiêu chuẩn 2 sao), nhà hàng ăn uống tại khách sạn Phương Đông; Khai thác đất, sản xuất gạch; Dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ; Đầu tư xây dựng và cho thuê văn phòng; Dịch vụ quảng cáo thương mại; Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và khai thuế hải quan; Đầu tư xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại; Kinh doanh khai thác và quản lý chợ; Cho thuê cao ốc văn phòng; Dịch vụ môi giới, quản lý, định giá, đấu giá, sàn giao dịch bất động sản; Quảng cáo; Kinh doanh bất động sản; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Xử lý nước thải.
- 4. Tổng số các công ty con** : 04
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 04

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH một thành viên sản xuất dịch vụ Tân Bình (Taniservice)	Lô IV-18 Khu Công nghiệp Tân Bình, đường Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima)	Số 405 Ấp Lộc Bình, xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ thể thao và quảng cáo Tân Bình (Tanisa)	Lô IV Đường số 1 – Khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty cổ phần đầu tư du lịch Tân Thắng	93/13 Nguyễn Hội, phường Phú Tài, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	80%	80%

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình (Tanicons)	Lô I-2 nhóm công nghiệp 1, Khu Công nghiệp Tân Bình, đường Lê Trọng Tấn, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	47,50%	47,50%
Công ty cổ phần kính Tân Bình (Taniglass)	Lô 6-1, cụm 6, Khu công nghiệp Tân Bình II, đường M1, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	48,92%	48,92%
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn	631 – 633 Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, TP. Hồ Chí Minh	40%	40%
Công ty cổ phần kính Tân Bình	Lô 6-1, cụm 6, Khu công nghiệp Tân Bình II, đường M1, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	20%	20%

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 Tập đoàn có 667 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 719 nhân viên).

8. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong kỳ

Doanh thu và lợi nhuận trong kỳ phát sinh chủ yếu từ việc Công ty mẹ bán toà nhà Tanioffice Tây Thạnh.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (công ty mẹ) đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 31
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Cây lâu năm	07
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 07

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại bất động sản đầu tư</u>	<u>Số năm</u>
Nhà trên đất	08 - 25
Quyền sử dụng đất	50

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Số năm khấu hao của quyền sử dụng đất như sau:

<u>Loại chi phí</u>	<u>Số năm</u>
San lấp mặt bằng	05 - 07
Chi phí đền bù	05 - 07
Quyền sử dụng đất	50

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhận (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm: công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa văn phòng, Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

15. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% trên mức lương đóng bảo hiểm xã hội. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty mẹ như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Bổ sung vốn điều lệ của Công ty	20%	Do Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội cổ đông quyết định
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh; Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.	5%	20% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	8%	Do Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội cổ đông quyết định

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, trong đó bao gồm thù lao và các chi phí hợp lý liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Tập đoàn phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Tập đoàn phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Tập đoàn phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	8.114.714.846	7.251.126.245
Tiền gửi ngân hàng	20.043.078.612	18.118.842.014
Các khoản tương đương tiền (*)	234.348.396.424	201.723.013.885
Cộng	<u>262.506.189.882</u>	<u>227.092.982.144</u>

(*) Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho Công ty cổ phần đầu tư & xây dựng KCN Vĩnh Lộc – Bến Lức vay với lãi suất 17,5%/năm	5.000.000.000	-
Cho Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn vay với lãi suất 14%/năm	5.000.000.000	-
Cộng	<u>10.000.000.000</u>	<u>-</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Acecook Việt Nam	3.166.997.927	4.471.653.024
Chi nhánh công ty cổ phần Acecook Việt Nam tại Bình Dương	7.007.299.464	7.224.392.670
Công ty TNHH ITL Keppel Tanimex Logistics	900.000.000	4.946.786.516
Công ty TNHH ITL - Trans Keppel Logistics Việt Nam	-	2.701.476.940
Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Kim Cương	12.298.155.934	26.710.084.577

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần kính Tân Bình	330.000.000	440.000.000
Wings International Co., Ltd	871.109.230	1.130.167.743
Công ty TNHH chế biến thực phẩm thương mại Pha Lê	-	2.894.503.242
Công ty cổ phần lúa vàng	8.897.285.919	-
Các khách hàng khác	<u>16.701.248.107</u>	<u>12.245.890.780</u>
Cộng	<u>50.172.096.581</u>	<u>62.764.955.492</u>
4. Trả trước cho người bán	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Đồng Nai Thái Sơn	1.750.278.001	2.558.670.000
Công ty cổ phần đầu tư XD và thương mại Đông Tây	-	3.966.498.860
Công ty TNHH thương mại xây dựng Rạng Đông	-	717.554.000
Công ty xăng dầu Khu vực II	1.870.200.205	1.760.859.788
CBH Grain PTY Limited	-	16.447.068.113
A.J Plast Public Company Limited	-	2.092.758.571
Công ty TNHH Tự Động	2.462.400.000	2.462.400.000
Các nhà cung cấp khác	<u>1.018.657.716</u>	<u>1.042.054.307</u>
Cộng	<u>7.101.535.922</u>	<u>31.047.863.639</u>
5. Các khoản phải thu khác	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền cho mượn	200.000.000	700.000.000
<i>Tạp chí thể giới Tennis</i>	200.000.000	200.000.000
<i>Công ty TNHH một thành viên TMDV y tế Tân Bình</i>	-	500.000.000
Công ty Toàn Trung - tiền bồi thường	300.000.000	300.000.000
Lãi tiền gửi tiết kiệm dự thu	1.169.531.614	2.217.133.333
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của hoạt động kinh doanh bất động sản (2%)	5.037.851.595	4.228.041.205
Lãi kích cầu	562.382.824	-
Thuế GTGT chưa kê khai	-	16.051.488
Phải thu khác	<u>425.658.624</u>	<u>560.564.183</u>
Cộng	<u>7.695.424.657</u>	<u>8.021.790.209</u>
6. Hàng tồn kho	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	623.864.431	493.752.211
Công cụ, dụng cụ	373.657.059	236.802.406
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	254.978.016.038	181.782.256.046
Thành phẩm	2.765.214.233	801.012.360
Hàng hóa	19.549.087.505	20.564.810.500
Hàng hóa bất động sản	<u>105.347.273</u>	<u>102.682.906</u>
Cộng	<u>278.395.186.539</u>	<u>203.981.316.429</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	61.882.048	93.522.872
Kinh phí đền bù KCN mở rộng	1.461.990.705	-
Chi phí sửa chữa	710.534.187	112.383.779
Phí bảo hiểm	41.236.241	115.191.310
Phí duy tu và tiện ích công cộng	101.103.368	311.517.132
Chi phí khác	882.972.744	130.417.650
Cộng	<u>3.259.719.293</u>	<u>763.032.743</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.048.609.698	884.026.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.001.926.450	948.941.587
Cộng	<u>8.050.536.148</u>	<u>1.832.967.587</u>

9. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Kim Cương	5.550.375.106	9.495.424.250
Công ty TNHH sản xuất - thương mại Êm Đềm	2.115.602.131	2.115.602.131
Công ty TNHH Liên Hiệp	916.342.407	961.636.418
Công ty cổ phần kiếng Tân Bình	2.383.987.100	2.383.987.100
Các khách hàng khác	2.431.801.000	1.888.347.000
Cộng	<u>13.398.107.744</u>	<u>16.844.996.899</u>

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm trang 46.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>San lấp mặt bằng</u>	<u>Kinh phí đền bù</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.399.855.437	84.218.125.350	248.599.152.257	87.450.000	338.304.583.044
Tăng trong kỳ	22.911.680.579	-	102.700.000	-	23.014.380.579
<i>Kết chuyển từ bất động sản đầu tư</i>	22.489.928.479	-	-	-	22.489.928.479
<i>Kết chuyển từ xây dựng cơ bản</i>	421.752.100	-	102.700.000	-	524.452.100
Số cuối kỳ	<u>28.311.536.016</u>	<u>84.218.125.350</u>	<u>248.701.852.257</u>	<u>87.450.000</u>	<u>361.318.963.623</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	69.563.827.691	149.640.333.530	87.450.000	219.291.611.221
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	881.646.547	75.647.202.995	158.169.982.614	85.992.500	234.784.824.656
Khấu hao trong kỳ	278.897.838	1.066.636.138	9.601.310.376	1.457.500	10.948.301.852
<i>Kết chuyển từ bất động sản đầu tư</i>	1.574.294.994	-	-	-	1.574.294.994
Số cuối kỳ	<u>2.734.839.379</u>	<u>76.713.839.133</u>	<u>167.771.292.990</u>	<u>87.450.000</u>	<u>247.307.421.502</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	San lấp mặt bằng	Kinh phí đền bù	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	4.518.208.890	8.570.922.355	90.429.169.643	1.457.500	103.519.758.388
Số cuối kỳ	25.576.696.637	7.504.286.217	80.930.559.267	-	114.011.542.121
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản phát sinh trong năm được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm trang 47.

13. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	38.755.428.479	207.687.757.274	246.443.185.753
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	3.834.126.208	3.834.126.208
Giảm trong kỳ	(22.489.928.479)	(40.353.172.145)	(62.843.100.624)
<i>Chuyển sang tài sản cố định hữu hình</i>	(22.489.928.479)	-	(22.489.928.479)
<i>Chuyển sang hàng tồn kho</i>	-	(34.444.975.445)	(34.444.975.445)
<i>Chuyển sang xây dựng cơ bản</i>	-	(5.908.196.700)	(5.908.196.700)
Số cuối kỳ	16.265.500.000	171.168.711.337	187.434.211.337
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.186.322.247	60.830.194.797	63.016.517.044
Khấu hao trong năm	188.295.852	8.233.050.752	8.421.346.604
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	1.704.476.144	1.704.476.144
Giảm trong kỳ	(1.574.294.994)	(3.061.692.453)	(4.635.987.447)
<i>Chuyển sang tài sản cố định hữu hình</i>	(1.574.294.994)	-	(1.574.294.994)
<i>Chuyển sang hàng tồn kho</i>	-	(2.234.544.915)	(2.234.544.915)
<i>Chuyển sang xây dựng cơ bản</i>	-	(827.147.538)	(827.147.538)
Số cuối kỳ	800.323.105	67.706.029.240	68.506.352.345
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	36.569.106.232	146.857.562.477	183.426.668.709
Số cuối kỳ	15.465.176.895	103.462.682.097	118.927.858.992

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn ^(a)	3.600.000	24.196.763.002	3.600.000	25.330.139.888
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình ^(b)	612.750	7.054.439.828	570.000	7.436.595.802
Công ty cổ phần kiến trúc Tân Bình ^(c)	1.325.518	1.747.851.954	1.379.418	2.286.851.954
Công ty cổ phần thương mại du lịch Mimosza xanh ^(d)	-	-	585.000	5.682.744.449
Công ty cổ phần kính Tân Bình ^(e)	290.000	1.866.032.649	160.000	1.189.013.302
Cộng		34.865.087.433		41.925.345.395

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (a) Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 39/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 65/UBCK-GP của Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp bổ sung ngày 22 tháng 8 năm 2007, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn 36.000.000.000 VND tương đương 40% vốn điều lệ.
- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0304592598 thay đổi lần thứ 03, ngày 03 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty cổ phần cơ khí Tân Bình 5.700.000.000 VND tương đương 47,50% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty được chia cổ tức theo theo phương thức phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 7,5%/vốn điều lệ tương ứng 42.750 cổ phiếu. Việc tăng cổ phiếu sở hữu theo phương thức phát hành cổ phiếu thưởng không làm thay đổi tỷ lệ đầu tư của Tập đoàn vào Công ty cổ phần cơ khí Tân Bình.
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103009526 ngày 03 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty cổ phần kiếng Tân Bình 13.794.181.340 VND tương đương 48,92% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty được hoàn trả 53.900 cổ phần tương ứng 539.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã đầu tư 13.255.181.340 VND, tương đương 48,92% vốn điều lệ (số đầu năm là 13.794.181.340 VND, tương đương 48,92% vốn điều lệ).
- (d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 5800553524 đăng ký thay đổi lần 01, ngày 17 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty cổ phần thương mại du lịch Mimoza xanh 5.850.000.000 VND tương đương 45,00% vốn điều lệ. Trong kỳ, Tập đoàn đã chuyển nhượng 585.000 cổ phần với giá chuyển nhượng là 1.000 VND/cổ phần. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, vốn đầu tư của Tập đoàn là 0 VND.
- (e) Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty cổ phần kính Tân Bình 1.600.000.000 VND. Trong kỳ, Tập đoàn đã góp thêm 1.300.000.000 VND tương đương 29% vốn điều lệ (số đầu năm là 1.600.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ).

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	<u>Giá trị phần sở hữu đầu năm</u>	<u>Giá trị phần sở hữu tăng trong kỳ</u>	<u>Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ</u>	<u>Tiền bán cổ phần</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Giá trị phần sở hữu cuối kỳ</u>
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn	25.330.139.888	-	(1.133.376.886)	-	-	24.196.763.002
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình	7.436.595.802	-	110.028.165	-	(492.184.139)	7.054.439.828
Công ty cổ phần kiếng Tân Bình	2.286.851.954	-	-	-	(539.000.000)	1.747.851.954
Công ty cổ phần thương mại du lịch Mimoza xanh	5.682.744.449	-	-	(585.000.000)	(5.097.744.449)	-
Công ty cổ phần kính Tân Bình	1.189.013.302	1.300.000.000	(622.980.653)	-	-	1.866.032.649
Cộng	41.925.345.395	1.300.000.000	(1.646.329.374)	(585.000.000)	(6.128.928.588)	34.865.087.433

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	10.005	30.393.074	21.458	76.263.680
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương	554.655	4.669.841.614	554.655	4.669.841.614
Công ty cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ)	-	-	14.500	594.500.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (STB)	3	60.312	42.973	863.934.000
Công ty cổ phần lương thực Nam Trung Bộ	120.000	8.020.000.000	120.000	8.020.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long	560.343	5.603.430.000	1.000.000	10.000.000.000
Công ty cổ phần thực phẩm Cholimex	-	-	200.000	3.000.000.000
Công ty TNHH ITL Keppel Tanimex Logistics		2.535.000.000		2.535.000.000
Cộng		20.858.725.000		29.759.539.294

Lý do thay đổi:

- Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam giảm 11.453 cổ phiếu do nhượng bán cổ phiếu.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ) giảm 14.500 cổ phiếu do nhượng bán cổ phiếu.
- Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín giảm 42.970 cổ phiếu do nhượng bán cổ phiếu.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần quản lý đầu tư chứng khoán Việt Long giảm 439.657 cổ phiếu do thoái vốn.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần thực phẩm Cholimex giảm 200.000 cổ phiếu do nhượng bán cổ phiếu.
- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 412022000355 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 5 năm 2011 do Ban quản lý các khu chế xuất và khu công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH ITL Keppel Tanimex Logistics 1.901.250.000 VND tương đương 15% vốn điều lệ.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	620.860.114	278.420.100
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác - Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long ^(*)	2.941.273.818	5.482.303.211
Cộng	3.562.133.932	5.760.723.311

- (*) Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình đang trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn dựa vào giá trị sổ sách của các Công ty này. Số liệu trên Báo cáo tài chính mà Công ty làm cơ sở lập dự phòng của các đơn vị này chưa được kiểm toán tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2012 mà chỉ có báo cáo được kiểm toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 do khác niên độ năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Tiền thuê đất	10.724.618.900	1.627.844.119	(462.442.609)	11.890.020.410
Chi phí sửa chữa kho, hội quán, văn phòng	241.502.454	-	(117.605.451)	123.897.003
Mỏ đất sét	-	435.360.463	-	435.360.463
Công cụ, dụng cụ	403.814.892	-	(178.653.242)	225.161.650
Cộng	11.369.936.246	2.063.204.582	(758.701.302)	12.674.439.526

18. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	37.257.089.165	65.403.717.215
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	375.600.000	305.600.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.27)	10.586.520.000	26.390.000.000
Cộng	48.219.209.165	92.099.317.215

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	65.403.717.215	112.408.296.600	(192.885.257)	(140.362.039.393)	37.257.089.165
Vay ngắn hạn tổ chức và cá nhân khác	305.600.000	70.000.000	-	-	375.600.000
Vay dài hạn đến hạn trả	26.390.000.000	-	75.010.000	(15.878.490.000)	10.586.520.000
Cộng	92.099.317.215	112.478.296.600	(117.875.257)	(156.240.529.393)	48.219.209.165

20. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Đông Tây	5.409.259.371	-
Công ty cổ phần xây dựng - cơ khí Tân Bình Tanimex	8.100.357.125	11.515.679.149
Công ty TNHH SX DV Hưng Phát	3.099.609.000	2.113.274.250
FORMOSA INDUSTRIES CORPORATION	2.445.781.977	16.732
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tự Lập	1.146.252.770	-
Công ty cổ phần đầu tư sản xuất Kim Hải	338.894.150	1.694.470.749
Các nhà cung cấp khác	2.743.099.177	3.295.551.584
Cộng	23.283.253.570	18.618.992.464

21. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH chế biến thực phẩm TM Pha Lê	990.000.000	-
Công ty CP Lúa Vàng	-	2.277.923.035
Công ty TNHH Thiết Lập	-	1.465.037.338
Công ty TNHH công nghiệp An Phong	-	508.704.048
Các khách hàng khác	147.175.395	103.356.103
Cộng	1.137.175.395	4.355.020.524

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.499.218.237	128.709.827
Thuế xuất nhập khẩu	-	881.175.829
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.678.459.331	1.794.417.873
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	384.196.506	486.491.893
Thuế thu nhập cá nhân	165.511.105	220.346.406
Thuế tài nguyên (*)	12.184.800	13.696.380
Các loại thuế khác (*)	-	2.931.000
Cộng	<u>5.739.569.979</u>	<u>3.527.769.208</u>

(*) Trong đó, khoản thuế tài nguyên và thuế khác nộp thừa tại Công ty TNHH MTV khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình – Long An (Tanima) là 10.534.920 VND được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Phí tiện ích công cộng, phí duy tu và tiền sử dụng đất	Không chịu thuế
- Hoạt động cung cấp nước sinh hoạt; hàng nông sản	5%
- Cho thuê mặt bằng, kho xưởng; bán gạch và vận chuyển; nền đất ưu đãi; cho thuê cây xanh; cho thuê sân tennis và các hoạt động khác ,....	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Các Công ty trong Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 2% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính. Các công ty trong Tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

23. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí duy tu bảo dưỡng	17.628.395.161	17.628.395.161
Tiền thuê đất	2.448.126.655	2.482.851.859
Chi phí phải trả khác	815.010.341	390.174.721
Cộng	<u>20.891.532.157</u>	<u>20.501.421.741</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội và Kinh phí công đoàn	474.515.019	336.963.366
Cổ tức phải trả	716.626.100	599.645.400
Tiền hỗ trợ tái định cư	339.364.437	360.522.437
Trái tức phải trả	3.837.600	3.837.600
Nhận tiền bồi thường bảo hiểm	89.566.967	89.566.967
Tiền đặt cọc mua chung cư Sơn Kỳ	320.000.000	250.000.000
Phí duy tu hạ tầng	1.950.915.576	1.978.680.790
Nhận ký quỹ	103.896.000	15.520.000
Phải trả khác	1.375.267.041	1.233.595.378
Cộng	<u>5.373.988.740</u>	<u>4.868.331.938</u>

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích lập quỹ trong kỳ</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	2.450.540.449	5.608.200.891	-	(1.383.261.040)	6.675.480.300
Quỹ phúc lợi	608.426.781	6.966.728.150	36.843.375	(4.786.282.993)	2.825.715.313
Quỹ thưởng Ban điều hành quản lý	635.082.240	900.000.000	-	(30.000.000)	1.505.082.240
Cộng	<u>3.694.049.470</u>	<u>13.474.929.041</u>	<u>36.843.375</u>	<u>(6.199.544.033)</u>	<u>11.006.277.853</u>

26. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh - vốn do Ngân sách cấp về việc xây dựng trạm biến áp điện tại Khu công nghiệp Tân Bình	1.135.198.013	20.938.985.327
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	54.933.004.458	59.804.727.940
Phải trả dài hạn khác	4.295.381.261	4.287.884.338
Cộng	<u>60.363.583.732</u>	<u>85.031.597.605</u>

27. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình ⁽ⁱ⁾	72.158.231.939	89.004.608.614
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây ⁽ⁱⁱ⁾	4.563.821.037	4.534.523.711
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	11.509.122.319	7.305.239.476
Cộng	<u>88.231.175.295</u>	<u>100.844.371.801</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình để xây dựng hạ tầng tại Khu công nghiệp Tân Bình và mua máy móc thiết bị. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:

- Công trình xây dựng trên đất (nhà xưởng, văn phòng và công trình phụ trợ) tại Lô 6 – 1, cụm 6, đường M1, Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép xây dựng số 72/GPXD do Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 6 năm 2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Công trình xây dựng trên đất (nhà xưởng, văn phòng và công trình phụ trợ) tại cụm 2, đường M14, Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép xây dựng số 39/GPXD do Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 5 năm 2009.
 - Công trình xây dựng, máy móc thiết bị trên đất thuộc dự án “ Trường trung học Sơn Kỳ”.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây để xây dựng hạ tầng tại Khu công nghiệp Tân Bình và mua máy móc thiết bị. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:
- Toàn bộ nhà kho (xưởng) và phần phụ trợ của dự án kho xưởng 09 cụm 2 – nhóm công nghiệp 1, khu công nghiệp Tân Bình.
 - Cam kết dùng toàn bộ nguồn tiền thu được từ việc bán dây chuyền máy móc thiết bị in bao bì cho Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Kim Cương theo hợp đồng kinh tế số 210/HĐKT – 2006 ngày 12 tháng 05 năm 2006 và tất cả các nguồn thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 để xây dựng nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 2 tại Khu công nghiệp Tân Bình. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị công trình xây dựng và máy móc thiết bị thuộc dự án “ Nhà máy xử lý nước thải – giai đoạn 02”.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	100.844.371.801
Vay trong kỳ	4.203.882.843
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(16.846.376.675)
Chênh lệch tỷ giá	29.297.326
Số cuối kỳ	88.231.175.295

28. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	114.728.998.710	116.370.231.430
Tiền chung cư	26.850.154.220	15.289.882.893
Tiền nền đất	119.431.795.689	84.074.373.342
Tiền thuê kho xưởng	1.125.133.075	-
Các khoản khác	94.078.402	21.880.001
Cộng	262.230.160.096	215.756.367.666

29. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 03 đính kèm trang 48.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Cổ tức năm trước	24.064.064.800
Tạm ứng cổ tức năm nay	-
Cộng	24.064.064.800

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	754.000	-
- Cổ phiếu phổ thông	754.000	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.246.000	24.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.246.000	24.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	493.908.577.351	621.138.988.352
- Doanh thu bán hàng hóa	258.626.918.709	219.717.486.527
- Doanh thu bán thành phẩm	2.050.845.135	23.026.098.818
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	100.174.393.208	52.657.491.866
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	133.056.420.299	325.737.911.141
Các khoản giảm trừ doanh thu (Hàng bán bị trả lại)	(177.733.941)	(533.354)
Doanh thu thuần	493.730.843.410	621.138.454.998
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	258.449.184.768	219.716.953.173
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	2.050.845.135	23.026.098.818
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	100.174.393.208	52.657.491.866
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	133.056.420.299	325.737.911.141

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán hàng hóa	253.159.293.650	210.627.389.802
Giá vốn bán thành phẩm	1.364.916.729	19.988.599.714
Giá vốn cung cấp dịch vụ	57.166.708.885	29.988.409.617
Giá vốn kinh doanh bất động sản	45.176.418.026	191.989.026.202
Cộng	356.867.337.290	452.593.425.335

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	14.422.078.615	9.095.794.948
Lãi tiền cho vay	1.377.638.889	731.111.111
Cổ tức, lợi nhuận được chia	35.147.000	354.749.600
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	576.789.673	307.029.874
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	746.613.635	1.166.533.902
Lãi bán hàng trả chậm	6.517.254.050	2.991.421.349
Lãi bán cổ phiếu	3.219.889.394	-
Cộng	26.895.411.256	14.646.640.784

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	12.217.181.319	13.206.650.750
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.246.893.974	5.361.591.395
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	366.212.199	4.762.389.045
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	5.295.725.070	1.269.542.998
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	327.159.688	-
Chi phí tài chính khác	33.006.856	18.322.268
Cộng	19.486.179.106	24.618.496.456

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	14.612.989.715	9.556.346.200
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	602.899.138	378.855.789
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	442.305.471	1.219.470.396
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.857.706.660	1.593.045.383
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.059.079.880	5.742.523.676
Chi phí khác	9.492.834.705	12.641.184.177
Cộng	44.067.815.569	31.131.425.621

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	11.665.200.468	11.089.503.889
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	198.864.634	264.269.822
Chi phí đồ dùng văn phòng	447.902.577	337.171.802
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.042.806.485	1.744.590.740
Thuế, phí và lệ phí	137.402.775	19.918.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.524.018.817	1.521.871.318
Chi phí khác	1.610.481.879	4.269.890.477
Cộng	17.626.677.635	19.247.216.448

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59.651.398.176	78.483.957.569
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	59.651.398.176	78.483.957.569
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	23.682.476	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.519	6.540

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	24.000.000	12.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	(317.524)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	23.682.476	12.000.000

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Tập đoàn có mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ với tổng số tiền là 4.203.882.843 VND (số năm trước là 24.320.990.928 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.222.000.000	1.881.000.000
Thưởng	-	186.000.000
Các khoản khác	166.450.000	127.200.000
Cộng	2.388.450.000	2.194.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần kính Tân Bình (Taniglass)	Công ty liên kết
Công ty TNHH một thành viên xây dựng cơ khí Tân Bình (Tanicons)	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương mại du lịch Mimoza xanh	Công ty liên kết
Công ty cổ phần kính Tân Bình	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trọng yếu trong kỳ giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH một thành viên xây dựng cơ khí Tân Bình (Tanicons)		
Xây dựng các công trình	20.684.503.595	14.223.625.002
Thuê đất	281.904.762	281.904.762
Chi phí cải tạo sửa chữa	229.742.727	-
Công ty cổ phần kính Tân Bình (Taniglass)		
Thuê kho xưởng	-	830.115.000
Mua tài sản cố định	-	12.900.648.986
Thi công công trình	-	1.480.838.166
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn		
Lãi vay kinh doanh	1.304.722.222	-
Chi phí tham quan	59.245.000	-
Công ty cổ phần kính Tân Bình		
Tiền thuê máy cường lực	450.000.000	-
Tiền thuê kho xưởng	958.513.424	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên xây dựng cơ khí Tân Bình (Tanicons)		
Tiền điện phải thu	28.507.683	-
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn		
Phải thu lãi cho vay	151.861.110	-
Công ty cổ phần kính Tân Bình		
Phải thu tiền thuê kho xưởng	590.410.124	-
Phải thu bán hàng	2.383.987.100	2.823.987.100
Phải thu tiền thuê máy cường lực	330.000.000	-
Cộng nợ phải thu	3.484.766.017	2.823.987.100
Công ty TNHH một thành viên xây dựng cơ khí Tân Bình (Tanicons)		
Phải trả tiền xây dựng công trình	8.100.357.125	11.515.679.149
Phải trả chi phí cải tạo	25.271.700	-
Cộng nợ phải trả	8.125.628.825	11.515.679.149

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận giữa các bên.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động kinh doanh bất động sản.
- Lĩnh vực 02: Hoạt động bán hàng hoá.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động kinh doanh khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực bán hàng hoá	Lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	133.056.420.299	258.449.184.768	102.225.238.343	493.730.843.410
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>133.056.420.299</u>	<u>258.449.184.768</u>	<u>102.225.238.343</u>	<u>493.730.843.410</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>87.880.002.273</u>	<u>5.289.891.118</u>	<u>43.693.612.729</u>	136.863.506.120
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(61.694.493.204)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				<u>75.169.012.916</u>
Doanh thu hoạt động tài chính				26.895.411.256
Chi phí tài chính				(19.486.179.106)
Thu nhập khác				854.184.203
Chi phí khác				(241.961.074)
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				(1.646.329.374)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				<u>(21.892.740.645)</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				<u>59.651.398.176</u>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	<u>4.065.667.374</u>	<u>7.897.164.345</u>	<u>3.123.590.845</u>	<u>15.086.422.564</u>
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	<u>18.710.259.624</u>	<u>36.342.863.694</u>	<u>14.374.809.913</u>	<u>69.427.933.231</u>
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	325.737.911.141	219.716.953.173	75.683.590.684	621.138.454.998
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>325.737.911.141</u>	<u>219.716.953.173</u>	<u>75.683.590.684</u>	<u>621.138.454.998</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực bán hàng hoá	Lĩnh vực khác	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	133.748.884.939	9.089.563.371	25.706.581.353	168.545.029.663
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(50.378.642.069)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				118.166.387.594
Doanh thu hoạt động tài chính				14.646.640.784
Chi phí tài chính				(24.618.496.456)
Thu nhập khác				2.372.071.426
Chi phí khác				(1.608.854.799)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				(3.849.293.504)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(26.624.497.476)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				78.483.957.569
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	82.572.592.963	55.696.920.503	19.185.333.097	157.454.846.563
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	12.987.632.781	8.760.426.729	3.017.612.165	24.765.671.675
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:				
	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực bán hàng hoá	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	118.927.858.992	118.927.858.992
Tài sản phân bổ cho bộ phận	233.513.757.508	453.577.814.017	179.405.093.449	866.496.664.974
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				62.261.678.501
Tổng tài sản				1.047.686.202.467
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	140.799.164.095	273.488.713.244	108.173.871.473	522.461.748.812
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				11.006.277.853
Tổng nợ phải trả				533.468.026.665
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	183.426.668.709	183.426.668.709
Tài sản phân bổ cho bộ phận	428.577.088.962	289.084.104.017	99.577.764.418	817.238.957.396
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				65.924.161.378
Tổng tài sản				1.066.589.787.483

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực bán hàng hoá	Lĩnh vực khác	Cộng
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	292.540.145.532	197.324.374.163	67.970.254.232	557.834.773.927
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				3.694.049.470
Tổng nợ phải trả				561.528.823.397

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	262.506.189.882	227.092.982.144	262.506.189.882	227.092.982.144
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	17.296.591.068	23.998.815.983	17.296.591.068	23.998.815.983
Phải thu khách hàng	60.912.076.843	76.798.081.909	60.912.076.843	76.798.081.909
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	22.226.608.651	15.678.091.624	22.226.608.651	15.678.091.624
Cộng	372.941.466.444	343.567.971.660	372.941.466.444	343.567.971.660
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	23.283.253.570	18.712.848.450	23.283.253.570	18.712.848.450
Vay và nợ	136.450.384.460	192.943.689.016	136.450.384.460	192.943.689.016
Các khoản phải trả khác	93.631.740.232	122.539.079.063	93.631.740.232	122.539.079.063
Cộng	253.365.378.262	334.195.616.529	253.365.378.262	334.195.616.529

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.27). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>	<u>Điều khoản và điều kiện thế chấp</u>
Số cuối kỳ		
Cụm kho xưởng	86.408.536.951	Thế chấp các khoản vay ngân hàng nhằm bổ sung vốn kinh doanh
Cộng	<u>86.408.536.951</u>	

Số đầu năm

Cụm kho xưởng	84.468.691.115	Thế chấp các khoản vay ngân hàng nhằm bổ sung vốn kinh doanh
Cộng	<u>84.468.691.115</u>	

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	23.283.253.570	-	-	23.283.253.570
Vay và nợ	48.219.209.165	88.231.175.295	-	136.450.384.460
Các khoản phải trả khác	32.225.102.793	61.406.637.439	-	93.631.740.232
Cộng	103.727.565.528	149.637.812.734	-	253.365.378.262
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	18.618.992.464	93.855.986	-	18.712.848.450
Vay và nợ	92.099.317.215	100.844.371.801	-	192.943.689.016
Các khoản phải trả khác	36.371.318.301	86.167.760.762	-	122.539.079.063
Cộng	147.089.627.980	187.105.988.549	-	334.195.616.529

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

	Thay đổi lãi suất (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Kỳ này	+ 2	(2.046.755.766)
	- 2	2.046.755.766
Kỳ trước	+ 2	(2.894.155.335)
	- 2	2.894.155.335

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tập đoàn là 4.079.434.886 VND (tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 là 5.926.119.194 VND). Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm/tăng khoảng 407.943.489 VND (kỳ trước là 592.611.919 VND).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2012

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hào
Kê toán trưởng

Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	82.482.759.649	24.580.970.285	25.139.458.656	4.652.175.370	2.833.488.006	96.867.739.775	236.556.591.741
Tăng trong kỳ	6.974.348.308	-	-	130.387.274	-	934.481.774	8.039.217.356
Mua sắm mới	288.091.700	-	-	130.387.274	-	12.263.636	430.742.610
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.686.256.608	-	-	-	-	922.218.138	7.608.474.746
Giảm trong kỳ	(10.153.403.196)	-	(154.531.000)	(116.010.650)	-	(3.768.616.208)	(14.192.561.054)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(154.531.000)	(116.010.650)	-	-	(270.541.650)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(65.510.000)	-	-	-	-	(3.768.616.208)	(3.834.126.208)
Xóa sổ TSCĐ đã hết khấu hao	(10.087.893.196)	-	-	-	-	-	(10.087.893.196)
Số cuối kỳ	79.303.704.761	24.580.970.285	24.984.927.656	4.666.551.994	2.833.488.006	94.033.605.341	230.403.248.043
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng							
Giá trị khấu hao							
Số đầu năm	56.831.542.264	8.505.019.467	16.039.839.914	4.016.814.199	1.993.542.193	74.145.620.030	161.532.378.067
Tăng trong kỳ	2.459.013.800	1.156.041.480	1.213.725.701	178.089.632	159.513.474	4.239.926.059	9.406.310.146
Khấu hao trong kỳ	2.459.013.800	1.156.041.480	1.213.725.701	178.089.632	159.513.474	4.239.926.059	9.406.310.146
Giảm trong kỳ	(10.099.591.411)	-	(154.531.000)	(116.010.650)	-	(1.692.777.933)	(12.062.910.994)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(154.531.000)	(116.010.650)	-	-	(270.541.650)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(11.698.215)	-	-	-	-	(1.692.777.933)	(1.704.476.148)
Xóa sổ TSCĐ đã hết khấu hao	(10.087.893.196)	-	-	-	-	-	(10.087.893.196)
Số cuối kỳ	49.190.964.653	9.661.060.947	17.099.034.615	4.078.893.181	2.153.055.667	76.692.768.156	158.875.777.219
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	25.651.217.385	16.075.950.818	9.099.618.742	635.361.171	839.945.813	22.722.119.745	75.024.213.674
Số cuối kỳ	30.112.740.108	14.919.909.338	7.885.893.041	587.658.813	680.432.339	17.340.837.185	71.527.470.824
<i>Trong đó:</i>							
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2012


Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hào
Kê toán trưởng



Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trả trước dài hạn trong kỳ	Kết chuyển vào giá vốn trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định							-
Xây dựng cơ bản dở dang	70.446.094.648	14.655.679.954	(8.132.926.846)	(4.404.077.110)	(21.636.114.000)	(18.686.261.033)	32.242.395.613
Công trình Khu công nghiệp Tân Bình	21.972.711.268	94.671.363	(197.371.363)	-	(21.636.114.000)	-	233.897.268
Công trình lưới điện thi công theo nguồn vốn ngân sách (*)	17.817.763.950	529.804.686	-	-	-	(18.347.568.636)	-
Chi phí đền bù và các chi phí chung	8.718.788.947	6.917.786.781	(784.836.363)	(4.404.077.110)	-	-	10.447.662.255
Công trình tiện ích công cộng	14.700.995.588	1.874.063.641	(6.008.581.412)	-	-	(338.692.397)	10.227.785.420
Công trình nhà ở cho người lao động	1.703.114.505	158.293.909	-	-	-	-	1.861.408.414
Văn phòng Khu công nghiệp Tân Bình	700.519.714	-	-	-	-	-	700.519.714
Văn phòng Lê Trọng Tấn	305.253.271	-	-	-	-	-	305.253.271
Trung tâm thương mại chợ Tân Bình	651.559.016	-	-	-	-	-	651.559.016
Trung tâm thương mại Ngã tư ga	1.775.201.078	-	-	-	-	-	1.775.201.078
Tanhotel (261 Hoàng Văn Thụ)	947.248.834	5.081.049.162	-	-	-	-	6.028.297.996
TTVH Ao dôi (Dân cư 6)	10.811.181	-	-	-	-	-	10.811.181
Chi nhánh Long An	1.099.427.296	-	(1.099.427.296)	-	-	-	-
Khác	42.700.000	10.412	(42.710.412)	-	-	-	-
Cộng	70.446.094.648	14.655.679.954	(8.132.926.846)	(4.404.077.110)	(21.636.114.000)	(18.686.261.033)	32.242.395.613

(*) Theo Quyết định số 163/QĐ-SCN ngày 21 tháng 9 năm 2007 của Sở Công nghiệp (nay là Sở Công thương) TP. Hồ Chí Minh, Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp được giao thực hiện dự án "Xây dựng mới hệ thống lưới điện trung hạ thế cung cấp cho nhóm dân cư - khu công nghiệp Tân Bình mở rộng". Khi công trình hoàn thành, Ban sẽ bàn giao và quyết toán với Ngân sách Nhà nước.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2012

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	210.352.860.000	-	51.100.151.798	10.801.178.723	79.332.027.837	471.586.218.358
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần	120.000.000.000	(120.000.000.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	98.119.536.966	98.119.536.966
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	14.455.839.580	1.326.228.586	(26.667.394.176)	(10.885.326.010)
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(17.818.954.500)	(17.818.954.500)
Tăng khác	-	-	-	200.000.000	301.261.649	600.000.000	1.101.261.649
Giảm khác	-	-	-	-	-	(1.041.772.377)	(1.041.772.377)
Số dư cuối năm trước	240.000.000.000	90.352.860.000	-	65.755.991.378	12.428.668.958	96.523.443.750	505.060.964.086
Số dư đầu năm nay	240.000.000.000	90.352.860.000	-	65.755.991.378	12.428.668.958	96.523.443.750	505.060.964.086
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(12.901.547.446)	-	-	-	(12.901.547.446)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	59.651.398.176	59.651.398.176
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(24.181.045.500)	(24.181.045.500)
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	19.824.881.383	4.956.220.346	(38.228.011.104)	(13.446.909.375)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(64.684.139)	(64.684.139)
Số dư cuối kỳ	240.000.000.000	90.352.860.000	(12.901.547.446)	85.580.872.761	17.384.889.304	93.701.101.183	514.118.175.802

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2012



Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng




Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc